

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 14/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Đảnh**

Ông **Lê Tú Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lâm Đức L - sinh năm 1990.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 22/7 L T H, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: 46/3 T K , phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Lập Nh và bà Bành Diệu A; Vợ: Quách Thanh H; Con: 02 người lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; Anh chị em ruột: 04 người; tiền án, tiền sự: không. Bắt tạm giam ngày 25/11/2017 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông **Nguyễn Thanh P – sinh năm 1975** (vắng mặt). Địa

chỉ: Khu phố KT, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ Ông **Trần Đình Th** - sinh năm 1967 (vắng mặt). Địa chỉ: Khu phố KT, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông **Thái Hữu T** – sinh năm 1989 (vắng mặt). Địa chỉ: Tổ 06, ấp H, xã M, huyện C T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/11/2017 Lâm Đức L sau khi uống rượu tại công trình xây dựng nhà ở, L phát hiện một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65L1-122.21 của anh Nguyễn Thanh P đang đậu trước nhà sách Hoa Hồng (đối diện công trình) thuộc khu phố KT, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang không người trông giữ, L đã lấy xe cất giấu trong bụi cỏ gần công trình. Ngày 24/11/2017 L tháo ổ khóa xe ra kiểm tra nhiên liệu, đến sáng ngày 25/11/2017 L đi làm chìa khóa mới và dùng chìa khóa số 10 để tháo gỡ biển kiểm soát 65L1-122.21 của xe mô tô đã trộm được thay vào đó bằng biển kiểm soát 68S1-064.87 xe mô tô của anh Thái Hữu T (cho Long mượn để sử dụng đi lại trong công trình) rồi đem biển kiểm soát 65L1-122.21 cất giấu. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày L đến chỗ giấu xe định điều khiển về thành phố R G tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65L1-122.21; số máy: HC08E0408111; số khung: RLHHC08002Y409358, nhãn hiệu HONDA; số loại: WAVE ALPHA, màu sơn đỏ; đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 68S1-064.87; 01 chìa khóa số 10, màu trắng. Các vật chứng trên đã giao trả cho chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 08/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương truy tố bị cáo Lâm Đức L phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lâm Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự người bị hại cũng như người có liên quan đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét. Ngoài ra buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/11/2017 tại khu phố K T, thị trấn K, huyện K L, tỉnh Kiên Giang lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, Lâm Đức L đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 65L1-122.21 của anh Nguyễn Thanh P cất giấu. Đến ngày 25/11/2017 Long định mang đi tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ. Giá trị tài sản theo kết luận thẩm định là 6.500.000đ. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với bản cáo trạng, lời khai người bị hại, người có liên quan và vật chứng trong vụ án, nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lâm Đức L phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự năm 2015

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định tội Trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật;”

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, đã lén lấy chót lọt tài sản là chiếc xe hon đã có giá trị qua thẩm định 6.500.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bản thân bị cáo có nhân thân xấu trước đây đã từng bị kết án nhưng không tự ý thức và giáo dục mình, nên cần xét xử mức án tương xứng với hành vi bị cáo gây ra nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 là đúng, nhưng xét thấy tài sản phạm tội cũng như thiệt hại không lớn đã được thu hồi trả chủ sở hữu; các con còn nhỏ, nên cần áp dụng thêm điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và tang vật vụ án: Người bị hại cũng như những người có liên quan đã nhận được tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 01 Điều 173; điểm h, s khoản 01, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

1/. Tuyên bố bị cáo **Lâm Đức L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lâm Đức L – 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2017.

2/. Các biện pháp tư pháp: Người bị hại cũng như người có liên quan đã nhận lại tài sản là các vật chứng trong vụ án không có yêu cầu gì nên không xét.

3/. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Lâm Đức L** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

4/. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/03/2018). Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được niêm yết công khai theo pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Như Tám